

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

B21.201
1517

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)
Số tín chỉ 3
Nhóm/Lớp: (04 -)/DE23YTC04
CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: TL.....
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
15/7/2023
Phòng thi: B21.201

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chỉ
1	136123001	Kim Sô Ma	Ny	06/12/1981	Nam	7,8	8,0	7,9	02	AP	
2	136123004	Phan Anh	Đào	24/09/1986	Nữ	8,8	8,3	8,5	02	AP	
3	136123005	Lê Đình Minh	Tuấn	01/05/1991	Nam	8,8	8,0	8,2	01	AP	
4	136123006	Nguyễn Quốc	Thái	20/09/1991	Nam	9,0	8,0	8,3	02	AP	
5	136123007	Nguyễn Hoàng	Nam	21/11/1993	Nam	10,0	9,0	9,3	02	AP	
6	136123008	Đỗ Thị Trúc	Duyên	20/05/1993	Nữ	9,3	8,0	8,4	02	AP	
7	136123010	Trần Hồng	Thái	10/03/1994	Nam	10,0	9,0	9,3	02	AP	
8	136123011	Trần Thiện	Tâm	08/09/1994	Nam	8,3	8,3	8,3	02	AP	
9	136123012	Phạm Thị Thu	Giang	06/10/1992	Nữ	10,0	8,5	9,0	02	AP	
10	136123013	Ngô Tấn	Lộc	10/10/1986	Nam	9,0	8,3	8,5	02	AP	
11	136123014	Nguyễn Thị	Thoảng	06/03/1990	Nữ	8,5	8,5	8,5	02	AP	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 11...
Tổng số sv, hs dự đánh giá: 11...
Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 11...
Tổng số tờ: 21

Điểm QT: 30%; Điểm KT: 70%

Cán bộ coi thi 1: *Nguyễn Đình Kim Hoàn*

Trà Vinh, Ngày 26 tháng 7 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: *Nguyễn Sơn Sơn*

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: *Nguyễn Thị Lành*

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (04 -)/DE23KD04

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá:.....72.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

.....15 /7 /2023.....

Phòng thi:.....B.2.1.201.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	132123014	Nguyễn Hoàng Duy	27/11/1988	Nam	<u>8,8</u>	<u>7,0</u>	<u>7,5</u>	<u>02</u>	<u>[Chữ ký]</u>		
2	132123017	Nguyễn Trung Hiếu	04/08/1995	Nam	<u>9,0</u>	<u>7,0</u>	<u>7,6</u>	<u>02</u>	<u>[Chữ ký]</u>		
3	132123018	Nguyễn Tấn Sang	18/03/2001	Nam	<u>9,5</u>	<u>7,5</u>	<u>8,1</u>	<u>02</u>	<u>[Chữ ký]</u>		
4	132123019	Đỗ Khôi Nguyên	15/04/1990	Nam	<u>10,0</u>	<u>7,5</u>	<u>8,3</u>	<u>02</u>	<u>[Chữ ký]</u>		
5	132123020	Hà Hữu Hiệp	07/06/1993	Nam	<u>9,8</u>	<u>7,5</u>	<u>8,2</u>	<u>02</u>	<u>[Chữ ký]</u>		
6	132123022	Trần Tấn Đạt	29/05/1987	Nam	<u>9,8</u>	<u>8,5</u>	<u>8,9</u>	<u>02</u>	<u>[Chữ ký]</u>		
7	132123027	Nguyễn Lê Trường An	11/03/1990	Nam	<u>9,5</u>	<u>7,5</u>	<u>8,1</u>	<u>01</u>	<u>[Chữ ký]</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách:.....07.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá:07.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:.....07.....

Tổng số tờ:.....13.....

Cán bộ coi thi 1:.....hauk. Mông Lím Hân.....

Điểm QT:.....30%; Điểm KT:.....70.....%

Trà Vinh, Ngày ..26.. tháng ..7..... năm ..2023.....

Cán bộ ghi điểm:.....[Chữ ký].....
Tôn Sơn Bá

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra:.....[Chữ ký].....

Nguyễn Thị Linh